

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Đã được kiểm toán

PHỤ LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

Mục lục	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu 12 (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, như sau:

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cầu 12 (tiền thân là Công ty Cầu 12) được thành lập và hoạt động theo Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 324/QĐ-TCCB-TĐ ngày 04/3/1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1, được chuyển đổi theo Quyết định số 1298/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019796, đăng ký lần đầu ngày 01/10/2007 và thay đổi lần thứ hai ngày 18/3/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: Số 463 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ của Công ty là **48.500.000.000 đồng** (Bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2011 như sau:

Đối tượng góp vốn	Tỷ lệ
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 (Cienco1)	50,6%
Cổ đông khác	49,4%
Tổng	100,00%

2. Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và gia công các loại ván khuôn.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, cảng, công trình thủy, kết cấu hạ tầng dự án cấp thoát nước, đường dây và trụ điện 35Kv trở xuống;
- Xây dựng và kinh doanh các nhà máy phát điện vừa và nhỏ, các công trình phục vụ dân sinh, khu vui chơi giải trí;
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cho thuê nhà ở, dịch vụ nhà đất, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án tiền khả thi và khả thi; Thiết kế công trình xây dựng cầu;
- Tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kinh doanh phòng thí nghiệm chuyên ngành;
- Gia công kết cấu thép, vật liệu xây dựng và các sản phẩm cơ khí khác;
- Sửa chữa thiết bị máy móc ngành giao thông, xây dựng;
- Chế biến lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo dạy nghề: Công nhân kỹ thuật nghiệp vụ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

4. Thành phần Ban Giám đốc Công ty

Thành phần của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Bảo	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Thủy	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Vinh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Hoa	Ủy viên
Ông Đặng Thanh Bình	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Xuân Thủy	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hoa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tá Thi	Phó Giám đốc
Ông Đào Trọng Nam	Phó Giám đốc

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến 20 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

7. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2012



ỦY BAN NHẬN DÀN PHƯƠNG SAI ĐỒNG
CHỨNG THỰC HẠN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍN

Ngày: 07-03-2012

Số: 1466 Quyển 01

SCT/12

Phạm Xuân Thủy

K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Hiền

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011
của Công ty Cổ phần Cầu 12

Kính gửi: **ÔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được lập ngày 15/01/2012 của Công ty Cổ phần Cầu 12 (sau đây được viết tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

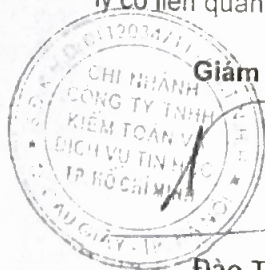
Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Tại ngày 31/12/2011 số liệu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại khoản mục Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158) bao gồm cả số liệu thuộc khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261).

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cầu 12 tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Giám đốc

Đào Tiên Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Kiểm toán viên

Trần Huy Chiếu

Chứng chỉ KTV số: 1994/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		484.324.331.936	431.500.257.916
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		64.977.185.865	15.169.321.572
1. Tiền	111	V.01	9.782.698.963	15.169.321.572
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.194.486.902	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	2.500.000.000	2.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.500.000.000	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		284.321.873.634	320.781.969.672
1. Phải thu khách hàng	131		155.475.793.096	157.469.545.213
2. Trả trước cho người bán	132		27.486.518.914	29.762.796.161
3. Phải thu nội bộ	133		119.243.763.408	133.804.940.983
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.890.986.033	2.267.992.312
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20.775.187.817)	(2.523.304.997)
IV. Hàng tồn kho	140		89.886.671.818	45.007.287.942
1. Hàng tồn kho	141	V.04	89.886.671.818	45.007.287.942
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.638.600.619	48.041.678.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.392.400	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		42.630.208.219	48.041.678.730
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.786.784.059	60.548.747.438
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		51.007.819.782	60.188.798.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	44.929.498.455	50.564.148.473
- Nguyên giá	222		141.252.402.306	137.420.770.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.322.903.851)	(86.856.621.716)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.596.587.506	1.596.587.506
- Nguyên giá	228		2.284.841.506	2.284.841.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(688.254.000)	(688.254.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	4.481.733.821	8.028.062.543
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		359.948.916	359.948.916
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		797.551.510	797.551.510
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(437.602.594)	(437.602.594)
V. Tài sản dài hạn khác	260		419.015.361	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	419.015.361	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		536.111.115.995	492.049.005.355

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		477.442.405.763	435.251.395.827
I. Nợ ngắn hạn	310		474.731.173.921	430.398.176.411
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	82.560.438.962	74.077.387.941
2. Phải trả người bán	312		46.221.555.986	39.816.208.996
3. Người mua trả tiền trước	313		92.110.633.871	47.761.543.675
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	116.450.766.546	109.112.082.519
5. Phải trả người lao động	315		10.734.435.966	29.449.607.350
7. Phải trả nội bộ	317		102.904.304.659	117.133.497.486
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	18.947.290.057	13.569.140.953
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		5.119.763.189	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(318.015.315)	(521.292.509)
II. Nợ dài hạn	330		2.711.231.842	4.853.219.416
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	902.147.629	3.403.156.384
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		232.565.165	261.914.165
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.576.519.048	1.188.148.867
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.668.710.232	56.797.609.528
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	58.668.710.232	56.797.609.528
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.500.000.000	48.500.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		544.012.543	136.958.252
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		426.619.756	19.565.465
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		407.054.291	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		8.791.023.642	8.141.085.811
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		536.111.115.995	492.049.005.355

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

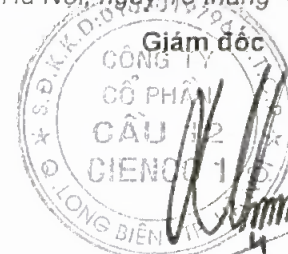
Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Hải

Cán Thành Đạt



Phạm Xuân Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	585.499.568.190	807.068.001.291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	3.877.750.771	1.834.211.979
<i>Giảm giá hàng bán</i>	05		3.877.750.771	1.834.211.979
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	581.621.817.419	805.233.789.312
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	516.472.709.842	762.067.396.048
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.149.107.577	43.166.393.264
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3.516.101.902	3.725.160.495
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	26.120.999.030	17.793.380.087
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.665.913.043	16.815.470.345
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.423.825.297	19.313.052.423
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.120.385.152	9.785.121.249
11. Thu nhập khác	31		3.411.803.654	2.127.847.090
12. Chi phí khác	32		1.478.261.287	321.212.000
13. Lợi nhuận khác	40		1.933.542.367	1.806.635.090
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.053.927.519	11.591.756.339
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	3.033.718.234	2.893.564.085
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.020.209.285	8.698.192.254
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.33	1.653,65	1.793,44

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng



Cán Thành Đạt



Giám đốc

Phạm Xuân Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	726.471.144.826	731.260.171.245
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(527.754.204.098)	(669.560.405.886)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(103.460.216.931)	(90.412.909.004)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(21.832.728.752)	(17.988.245.532)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(718.606.879)	(901.610.901)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	49.036.743.265	53.517.126.304
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(76.822.828.806)	(23.656.641.997)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.919.302.625	(17.742.515.771)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(2.123.482.188)	(5.784.791.626)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	1.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.500.000.000	2.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.969.282.835	3.491.817.886
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	845.800.647	(2.291.473.740)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	371.549.632.922	430.284.285.989
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(364.871.381.901)	(443.872.679.010)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.635.490.000)	(2.395.900.000)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	4.042.761.021	(15.984.293.021)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	49.807.864.293	(36.018.282.532)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15.169.321.572	51.187.604.104
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	64.977.185.865	15.169.321.572

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải

Cán Thành Đạt

Giám đốc

Phạm Xuân Thủy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cầu 12 (tiền thân là Công ty Cầu 12) là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1, được chuyển đổi theo Quyết định số 1298/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019796 đăng ký lần đầu ngày 01/10/2007 và thay đổi lần thứ hai ngày 18/03/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp.

Vốn điều lệ của Công ty là **48.500.000.000 đồng** (Bốn mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2011 như sau:

Đối tượng góp vốn	Tỷ lệ
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 (Cienco 1)	50,6%
Cổ đông khác	49,4%
Tổng	100,00%

2- Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi và gia công các loại ván khuôn.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, cảng, công trình thủy, kết cấu hạ tầng dự án cấp thoát nước, đường dây và trụ điện 35Kv trở xuống;
- Xây dựng và kinh doanh các nhà máy phát điện vừa và nhỏ, các công trình phục vụ dân sinh, khu vui chơi giải trí;
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cho thuê nhà ở, dịch vụ nhà đất, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án tiền khả thi và khả thi; Thiết kế công trình xây dựng cầu;
- Tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kinh doanh phòng thí nghiệm chuyên ngành;
- Gia công kết cấu thép, vật liệu xây dựng và các sản phẩm cơ khí khác;
- Sửa chữa thiết bị máy móc ngành giao thông, xây dựng;
- Chế biến lâm sản (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo dạy nghề: Công nhân kỹ thuật nghiệp vụ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi số kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành Đồng theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Giá trị công cụ, dụng cụ này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Riêng đối với các công cụ dụng cụ là vật tư thi công xuất dùng cho các công trường, đơn vị đang thực hiện phân bổ giá trị của công cụ, dụng cụ này vào chi phí trong kỳ theo quy định tại Quyết định số 529/TCKT ngày 31/12/2002 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu 12 về "Trích khấu hao vật tư thi công". Theo Quyết định này, đơn giá được quy định cho từng loại vật tư thi công như sau:

- Cọc, ván thép: Bao gồm lasen 4, lasen 5, lasen 6, thép góc... đơn giá 55 đồng/1kg/tháng.
- Thép hình các loại: Bao gồm thép chữ U,C,I,H thép ray, thép ống, thép chữ L, V đơn giá 65 đồng/1kg/tháng.
- Các loại vật tư thi công khác: Bao gồm ván khuôn phẳng, ván khuôn mặt tròn, ván khuôn đặc biệt... đơn giá 70 đồng/1kg/tháng.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Được Công ty ghi nhận trên cơ sở nghiêm thu thanh toán được phê duyệt bởi chủ đầu tư hoặc theo Thông báo của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO1) đối với các công trình mà Công ty được nhận là nhà thầu phụ. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; các khoản lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định số thuế sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

14- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các công trình xây lắp là 10%.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1 - Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	3.206.820.651	698.850.627
Tiền gửi ngân hàng (*)	6.575.878.312	14.470.470.945
Cộng	9.782.698.963	15.169.321.572

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Tiền Việt gửi ngân hàng	6.575.869.457	14.470.450.498
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Chương Dương	5.984.165.625	5.787.603.015
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Lâm Đồng	321.253.240	8.805.381
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Thành Đô	206.432.922	4.095.978.358
- Kho bạc Nhà nước Long Biên	21.818.558	3.707.694.105
- Ngân hàng NN&PTNT - CN Gia Lâm	19.621.384	2.132.104
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thành Công	10.822.995	821.723.324
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Chương Dương	4.100.735	4.100.735
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cầu Diễn	1.305.230	1.305.230
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.731.653	2.731.653
- Ngân hàng ĐT&PT Hà Nội	1.774.253	1.774.253
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Long Biên	962.997	18.962.997
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Đà Nẵng	185.926	185.926
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Long Biên	163.274	6.308.427
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Bến Tre	0	7.733.430
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Bình Định	0	2.175.268
- Ngân hàng ĐT&PT Bắc Hà Nội	0	555.900
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Đông Đô	530.665	530.665
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Nam Hà Nội	0	111.058
- Kho bạc Nhà nước Bạc Liêu	0	20.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Điện Biên Phủ	0	18.669
Ngoại tệ gửi ngân hàng (USD)	8.855	20.447
- Ngân hàng ĐT&PT - CN Gia Lâm	0	11.592
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thành Công	8.855	8.855
Tổng	6.575.878.312	14.470.470.945

2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng ĐT&PT - CN Thành Đô	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Phải thu về cổ phần hoá	47.873.152	110.391.512
Phải thu khác	2.192.735.103	2.011.445.967
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam	650.377.778	146.154.833
Cộng	2.890.986.033	2.267.992.312

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội
Tel: 043 8759 413 Fax: 043. 8759 419

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 - Hàng tồn kho

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	10.933.872.948	9.639.792.197
Công cụ dụng cụ	774.424.123	629.006.864
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	78.178.374.747	34.738.488.881
Cộng giá gốc hàng tồn kho	89.886.671.818	45.007.287.942

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	6.859.959.975	117.393.171.322	10.121.017.027	2.738.029.938	308.591.927	137.420.770.189
Tăng do mua sắm	0	1.472.780.000	300.000.000	58.375.544	0	1.831.155.544
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.460.266.607	0	0	0	0	2.460.266.607
Giảm khác	0	(459.790.034)	0	0	0	(459.790.034)
Tại ngày 31/12/2011	9.320.226.582	118.406.161.288	10.421.017.027	2.796.405.482	308.591.927	141.252.402.306
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	3.533.012.310	74.075.866.521	7.030.515.692	2.105.340.332	111.886.861	86.856.621.716
Khấu hao trong năm	359.431.412	8.605.951.069	345.964.861	202.779.452	29.158.288	9.543.285.082
Giảm khác	0	(77.002.947)	0	0	0	(77.002.947)
Tại ngày 31/12/2011	3.892.443.722	82.604.814.643	7.376.480.553	2.308.119.784	141.045.149	96.322.903.851
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2011	3.326.947.665	43.317.304.801	3.090.501.335	632.689.606	196.705.066	50.564.148.473
Tại ngày 31/12/2011	5.427.782.860	35.801.346.645	3.044.536.474	488.285.698	167.546.778	44.929.498.455

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 10.273.778.136 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 58.162.928.433 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	1.596.587.506	688.254.000	2.284.841.506
Tại ngày 31/12/2011	1.596.587.506	688.254.000	2.284.841.506
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	0	688.254.000	688.254.000
Tại ngày 31/12/2011	0	688.254.000	688.254.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	1.596.587.506	0	1.596.587.506
Tại ngày 31/12/2011	1.596.587.506	0	1.596.587.506

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 043. 8759 413

Fax: 043. 8759 419

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Phân xưởng gia công cơ khí	4 481.733.821	7.909.391.393
Mua sắm TSCĐ	0	118.671.150
Cộng	4.481.733.821	8.028.062.543

14- Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	191.393.543	0
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	227.621.818	0
Cộng	419.015.361	0

15 - Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Vay ngắn hạn	81.658.038.962	74.077.387.941
Vay ngắn hạn bằng Đồng	81.658.038.962	64.103.427.046
<i>NH NN&PTNT Việt Nam - CN Gia Lâm</i>	3.105.060.774	12.923.497.403
<i>NH TMCP Ngoại thương - CN Thành Công</i>	6.154.480.715	0
<i>NH Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô</i>	21.898.497.560	30.961.466.995
<i>NH TMCP Công thương - CN Chương Dương</i>	50.499.999.913	20.218.462.648
Vay ngắn hạn bằng USD	0	9.973.960.895
<i>NH TMCP Công thương - CN Chương Dương</i>	0	9.973.960.895
Vay dài hạn đến hạn trả	902.400.000	0
Cộng	82.560.438.962	74.077.387.941

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Thuế giá trị gia tăng	105.744.469.165	100.729.040.858
Thuế xuất, nhập khẩu	0	50.507.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.563.337.373	8.248.226.018
Thuế thu nhập cá nhân	142.960.008	84.307.717
Cộng	116.450.766.546	109.112.082.519

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 Đồng	01/01/2011 Đồng
Kinh phí công đoàn	241.316.973	216.316.972
Bảo hiểm xã hội	8.596.843.953	7.738.776.999
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.109.129.131	5.564.046.982
Cộng	18.947.290.057	13.569.140.953

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội
Tel: 043. 8759 413 Fax: 043. 8759 419

Mẫu số B09-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
a. Vay dài hạn	902.147.629	2.706.947.629
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Thành Đô	547.629	547.629
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công (*)	901.600.000	2.706.400.000
b. Nợ dài hạn	0	696.208.755
Nợ dài hạn khác	0	696.208.755
Cộng	902.147.629	3.403.156.384

(*) Chi tiết vay dài hạn

Đơn vị tính: Đồng

STT	Số kế ước/ HĐ	Ngày _ phát sinh	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay (%/năm)	Dư nợ vay dài hạn đến 31/12/2011	Số nợ gốc đến hạn trả năm 2012
1	Giấy nhận nợ số 01 ngày 19/6/2009	19/6/2009	19/12/2013	10,50%	1.804.000.000	902.400.000
	Cộng				1.804.000.000	902.400.000

22- Nguồn vốn chủ sở hữu

a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	48.500.000.000	136.958.252	19.565.465	0	7.065.810.083	55.722.333.800
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	8.698.192.254	8.698.192.254
Giảm khác	0	0	0	0	(7.622.916.526)	(7.622.916.526)
Số dư cuối năm trước	48.500.000.000	136.958.252	19.565.465	0	8.141.085.811	56.797.609.528
Số dư đầu năm nay	48.500.000.000	136.958.252	19.565.465	0	8.141.085.811	56.797.609.528
Lãi trong năm nay	0	0	0	0	8.020.209.285	8.020.209.285
Tăng khác	0	407.054.291	407.054.291	407.054.291	0	1.221.162.873
Giảm khác (*)	0	0	0	0	(7.370.271.454)	(7.370.271.454)
Số dư cuối năm nay	48.500.000.000	544.012.543	426.619.756	407.054.291	8.791.023.642	58.668.710.232

(*) Cổ tức lợi nhuận được phân phối thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 08/02/2011 của Công ty Cổ phần Cầu 12. Cụ thể:

- Cổ tức trả cho các cổ đông (11%): 5.335.000.000 đồng.
- Phân phối vào quỹ đầu tư phát triển (5%): 407.054.291 đồng.
- Phân phối vào quỹ dự phòng tài chính (5%): 407.054.291 đồng.
- Phân phối vào quỹ khác (5%): 407.054.291 đồng.
- Phân phối vào quỹ khen thưởng phúc lợi (10%): 814.108.581 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b - Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	Đồng	Đồng
Vốn góp của Nhà nước	24.541.000.000	24.541.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	23.959.000.000	23.959.000.000
Cộng	48.500.000.000	48.500.000.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2011	Năm 2010
	Đồng	Đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	48.500.000.000	48.500.000.000
+ Vốn góp cuối năm	48.500.000.000	48.500.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	5.335.000.000	4.850.000.000

d- Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.850.000	4.850.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.850.000	4.850.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.850.000	4.850.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.850.000	4.850.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.850.000	4.850.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

e - Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2011	31/12/2010
	Đồng	Đồng
Quỹ đầu tư phát triển:	544.012.543	136.958.252
Quỹ dự phòng tài chính:	426.619.756	19.565.465

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	585.499.568.190	807.068.001.291
Trong đó:		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	581.324.511.793	807.068.001.291
26- Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	3.877.750.771	1.834.211.979
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	581.621.817.419	805.233.789.312
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	581.621.817.419	805.233.789.312
28 - Giá vốn hàng bán		
	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Giá vốn hàng bán	516.472.709.842	762.067.396.048
Cộng	<u>516.472.709.842</u>	<u>762.067.396.048</u>
29 - Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.495.101.902	3.526.572.841
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.000.000	17.500.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	0	29.429.700
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	0	151.657.954
Cộng	<u>3.516.101.902</u>	<u>3.725.160.495</u>
30 - Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Lãi tiền vay	24.665.913.043	16.815.470.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.455.085.987	977.909.742
Cộng	<u>26.120.999.030</u>	<u>17.793.380.087</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.053.927.519	11.591.756.339
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	1.080.945.415	(17.500.000)
- Lợi nhuận, cổ tức được chia	(21.000.000)	(17.500.000)
- Chi phí phạt chậm nộp BHXH	1.047.101.477	0
- Chi phí phạt chậm nộp tiền thuê đất	54.843.938	0
Tổng lợi nhuận tính thuế	12.134.872.934	11.574.256.339
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.033.718.234	2.893.564.085

32- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.658.515.759	448.613.050.290
Chi phí nhân công	92.508.274.616	101.567.955.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.543.285.082	10.753.172.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.523.525.588	95.870.857.790
Chi phí khác bằng tiền	50.269.023.143	75.552.710.127
Cộng	594.502.624.188	732.357.746.024

33- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 Đồng	Năm 2010 Đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.020.209.285	8.698.192.254
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.020.209.285	8.698.192.254
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.850.000	4.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.653,65	1.793,44

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2011.

5 - Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 và số liệu tài chính năm 2010 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Số 463 Nguyễn Văn Linh - Phúc Đồng - Long Biên - Hà Nội

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 043 8759 413

Fax: 043. 8759 419

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6 - Tình hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Người lập biểu



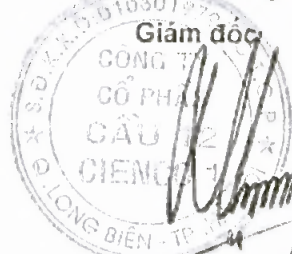
Nguyễn Thanh Hải

Kế toán trưởng



Cán Thành Đạt

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012



Phạm Xuân Thủy